

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2020
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Phạm Thanh Thanh**

2/ Ông **Võ Thành Hưng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Bảo Trân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh D**, sinh năm 1982 (Có mặt).

ĐKTT: khu vực T, phường V, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

ĐKTT: khu vực T, phường V, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI D V U Á N

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D trình bày: Tôi và ông Nguyễn Thanh M chung sống với nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 15/9/2016.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Hiện tại bà đã ly thân với ông M gần 01 năm nay.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

+ Về con chung: có 02 con chung là Phạm Nhật Q (nam); sinh ngày 31/8/2002 và Phạm Trần Trung N (nam); sinh ngày 21/7/2010. Cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại cháu N đang sống với tôi. Sau khi ly hôn, bà D đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh M: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cphát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông M đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị Thanh D và ông Nguyễn Thanh M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 15/9/2016 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà D và ông M phát sinh mâu thuẫn, bà D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là

“*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – Ông Nguyễn Thanh M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà D và ông M chung sống có đăng ký kết hôn năm 2016, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay ông M tiếp tục vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của bà D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bà D, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi cho nên bà xin ly hôn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà D xác nhận bà và ông M chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù vợ chồng có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện. Do đó, bà và ông M đã ly thân với nhau gần 01 năm nay.

Mặt khác, ông M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà D và ông M đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Bà D khai có 02 con chung là Phạm Nhật Q (nam); sinh ngày 31/8/2002 và Phạm Trần Trung N (nam); sinh ngày 21/7/2010. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành cho nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N đến khi trưởng thành.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2020 thì cháu N có nguyện vọng sống với mẹ (bút lục 17). Ngoài ra, hiện tại cháu N đang sống chung với bà D. Bà D cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N đến khi trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu N tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, việc giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D khai không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D về việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

2. Về con chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D khai có 02 con chung là Phạm Nhật Q (nam); sinh ngày 31/8/2002 và Phạm Trần Trung N (nam); sinh ngày 21/7/2010. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành cho nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận bà D không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp, theo biên lai thu số 006112 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà D đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Hiến